

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC

NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:23/2026/ DS-PT

Ngày 13/01/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Tú

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:365/2025/TLPT-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2025/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2025/DSPT-QĐ ngày 23/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Phạm Văn Á, sinh năm 1971 (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970 (Có mặt).

2. Bà Hoàng Thị Kim C, sinh năm 1974 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà H, tổ dân phố T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/5/2025, các lời khai nguyên đơn ông Phạm Văn Á trình bày:

Chị có quan hệ bạn bè quen biết từ lâu, trong khoảng thời gian từ ngày 22/8/2022 đến ngày 19/12/2024, công và vợ là bà Nguyễn Thị H có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C vay tiền 02 lần với tổng số tiền của 02

khoản vay là 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay không xác định thời hạn, hai bên thỏa thuận ông S và bà C cam kết sẽ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho ông Á và bà H trong vòng 03 đến 05 ngày kể từ ngày vợ chồng ông có thông báo yêu cầu trả nợ, cụ thể:

+ Ngày 22/8/2022 (Dương lịch), ông và bà H cho ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C vay 1.500.000.000 đồng, hai bên khi vay không thỏa thuận lãi suất. Mục đích cho vay để đảo hạn ngân hàng.

+ Ngày 19/12/2024 (Dương lịch), ông và bà H cho ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C vay 300.000.000 đồng, hai bên khi vay không thỏa thuận lãi suất.

Khi vay tiền ông S là người viết giấy vay tiền, ông S và bà C ký tên tại mục “S - Nguyễn Văn S” tại giấy biên nhận vay tiền ngày 22/8/2022 do ông S viết tại giấy vay là “Tên tôi là Nguyễn Văn S, vợ là Hoàng Thị Kim C...có vay của cô chú Ánh Hiền...”, là bạn bè từ lâu và tin tưởng chỉ có ông S ký tên vào giấy biên nhận vay tiền.

Đầu tháng 12/2024 do có nhu cầu cần tiền nên ông đã thông báo cho ông S, bà C thanh toán khoản vay ngày 22/8/2022. Tuy nhiên, ông S và bà C trình bày do đang khó khăn cần phải đảo hạn ngân hàng 300.000.000 đồng nên ông S và bà C có đề nghị vợ chồng ông tiếp tục cho vay thêm 300.000.000 đồng và cam kết trả nợ trong năm 2024.

Nay vợ chồng ông có nhu cầu cần tiền để trả nợ và kinh doanh nên đã thông báo cho ông S và bà C nhiều lần nhưng ông S và bà C không trả nợ cho vợ chồng ông.

Ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C phải trả cho ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền nợ gốc của 02 khoản vay tổng là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

2. Về yêu cầu tính lãi ông và bà H vẫn yêu cầu ông S và bà C phải trả tiền lãi, nhưng ông Á và bà H thay đổi so với yêu cầu trước đây về cách tính lãi và yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự, lý do là trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận thời gian trả tiền và không thỏa thuận lãi suất phải trả. Nay ông Á và bà H yêu cầu ông S và bà C phải trả tiền lãi tính đến ngày 22/9/2025 như sau:

- Tiền lãi của khoản vay ngày 22/8/2022 (dương lịch) là: $(1.500.000.000 \text{ đ} \times 03 \text{ năm} \times 10\% / \text{năm}) + (1.500.000.000 \text{ đ} \times 01 \text{ tháng} \times 10\% / 12) = 462.500.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi của khoản vay ngày 19/12/2024 (dương lịch) là: $(300.000.000 \text{ đ} \times 09 \text{ tháng} \times 10\% / 12) + (300.000.000 \text{ đ} \times 03 \text{ ngày} \times 10\% / 365) = 22.746.575 \text{ đồng}$.

Tổng lãi phải trả là: $462.500.000 \text{ đ} + 22.746.575 \text{ đ} = 485.246.575 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/9/2025 là 2.285.246.575 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 22/9/2025 cho đến khi ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và tiền lãi cho ông Á và bà H.

Về nội dung ông S gửi tài liệu sao kê ngân hàng các mã chuyển khoản trả nợ ông số tiền tổng 913.000.000 đồng, ông không đồng ý với 06 mã chuyển khoản ông S cung cấp vì các mã này liên quan đến việc ông S trả nợ của khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 26/3/2024 (ông Á cung cấp cho tòa án tài liệu bảng sao kê và chuyển khoản liên quan đến khoản vay và trình bày ông và bà H đã nộp đơn khởi kiện trong vụ án khác liên quan đến khoản vay này). Cụ thể 06 mã ông không đồng ý là:

Mã chuyển khoản ngày 08/4/2024 ông S chuyển 18.000.000 đồng.

Mã chuyển khoản ngày 20/5/2024 ông S chuyển 20.000.000 đồng.

Mã chuyển khoản ngày 21/9/2024 ông S chuyển 16.500.000 đồng.

Mã chuyển khoản ngày 01/10/2024 ông S chuyển 6.000.000 đồng.

Mã chuyển khoản ngày 29/10/2024 ông S chuyển 200.000.000 đồng.

Mã chuyển khoản ngày 11/12/2024 ông S chuyển 2.500.000 đồng.

Tổng số tiền của 06 mã chuyển khoản này là 263.000.000 đồng.

Ông Á xác nhận ông S đã chuyển trả cho ông số tiền đối với hai khoản vay đang yêu cầu tòa án giải quyết là $913.600.000 \text{ đ} - 263.000.000 \text{ đ} = 650.600.000 \text{ đồng}$.

Sau khi đối trừ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/9/2025 là 2.285.246.575 đồng, ông Á yêu cầu ông S và bà C phải trả cho ông Á và bà H số tiền còn lại là: $2.285.246.575 \text{ đ} - 650.600.000 = 1.634.646.575 \text{ đồng}$ và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 22/9/2025 cho đến khi ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và tiền lãi cho ông Á và bà H.

Khi hai bên thỏa thuận cho vay tiền thì ông Á và bà H chỉ cho ông S và bà C vay, ngoài ra không liên quan đến ai khác. Việc ông S và bà C cho bên thứ ba nào khác vay tiền thì ông không biết và không liên quan vì đó là quan hệ dân sự khác của ông S và bà C. Nay ông Á và bà H chỉ khởi kiện ông S và bà C phải trả nợ đối với khoản tiền đã vay của ông và bà H.

[2]. Tại đơn khởi kiện ngày 02/5/2025, các lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà nhất trí với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Á và không bổ sung ý kiến gì thêm.

[3]. Bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Tại hai giấy vay tiền ông Á cung cấp về yêu cầu khởi kiện là do ông tự viết và ký tên vào giấy vay, ông S xác định giấy vay tiền là đúng và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Tại giấy vay tiền ngày 19/12/2024 có cả bà C cùng ký vào giấy vay tiền, ông S đồng ý nhận toàn bộ số nợ đối với khoản vay này và cam kết trả nợ cho ông Á và bà H thay cho bà C vợ ông.

Về khoản vay 1.500.000.000 đồng ông S xác định đây là khoản vay riêng của cá nhân ông không liên quan đến vợ và các con, đề nghị tòa án không triệu tập tham gia tố tụng. Ông có vay tiền của ông Á, bà H và đồng ý trả nợ đối với các khoản vay và trả lãi theo quy định.

Ông S xuất trình các tài liệu chuyển khoản ngân hàng và cho rằng tổng đã trả được gốc và lãi cho bà H là 913.600.000 đồng, ông đề nghị áp dụng mức lãi suất 0.5 %/tháng tương đương 6.1%/ năm để có điều kiện thanh toán trả nợ, ông S đề nghị trừ số tiền thừa vào tiền gốc của món 1.500.000.000 đồng và món 300.000.000 đồng.

[4]. Bị đơn là bà Hoàng Thị Kim C trình bày:

Việc ông S là chồng bà có vay nhà ông Á, bà H số tiền 1.500.000.000 đồng là ông S vay riêng làm gì thì bà không được biết vì vợ chồng bà có vốn làm ăn riêng. Vì vậy bà không liên quan đến khoản vay này, còn về khoản vay ngày 19/12/2024 số tiền 300.000.000 đồng thì bà có ký giấy vay nợ để giải quyết việc gia đình. Bà đã có trách nhiệm về khoản này, cụ thể ngày 21/7/2025 bà đã đưa cho chồng bà là ông S 50.000.000 đồng để trả bà H, số tiền còn lại bà xin trả dần vì lý do làm ăn mất mùa nên thu nhập kém. Bà có viết giấy ủy quyền cho ông S giải quyết và trả nợ khoản riêng và khoản chung.

Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 275, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C phải trả cho ông Á và bà H số tiền 1.634.646.575 đồng tiền nợ gốc (Một tỷ sáu trăm ba mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 13/10/2025 Tòa án nhận được đơn kháng cáo ghi ngày 12/10/2025 của ông S, ông S kháng cáo một phần bản án. Lý do kháng cáo: Tòa án sơ thẩm tuyên buộc ông có trách nhiệm cùng bà C phải trả ông Á và bà H số tiền

1.634.646.575đồng tiền gốc là không đúng. Ông xác định tài liệu sao kê ngân hàng có mã chuyển khoản 200.000.000đ là tiền gốc ông đã trả. Do vậy ông xác định chỉ còn nợ ông Á và bà H số tiền gốc là 1.434.646.575đ

- Ngày 13/10/2025 Tòa án nhận được đơn kháng cáo ghi ngày 12/10/2025 của bà C. Bà C kháng cáo một phần bản án. Lý do kháng cáo: Việc Tòa án sơ thẩm tuyên buộc bà có trách nhiệm cùng ông S phải trả ông Á bà H số tiền 1.634.646.575đ tiền gốc là không có căn cứ. Bà xác định cùng ông S vay số tiền 300.000.000đ nên bà chỉ chịu trách nhiệm cùng ông S trả ông Á bà H số tiền 300.000.000đ.

- Ngày 21/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh có Quyết định kháng nghị số 1370/QĐ-VKS-DS đề nghị sửa Bản án sơ thẩm (*xác định số tiền ông S đã chuyển trả nguyên đơn là 858.600.000đ, bản án sơ thẩm xác định ông S mới trả 650.600.000đ là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S số tiền 208.000.000đ*).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt, ông Phạm Văn Á có mặt trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Hoàng Thị Kim C vắng mặt; ông Nguyễn Văn S có mặt trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền ông đã chuyển trả nợ cho vợ chồng nguyên đơn

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của ông S và bà C; Chấp nhận kháng nghị số 1370/QĐ-VKS-DS ngày 21/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, sửa bản án sơ thẩm số 49/2025/DSST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 theo hướng:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C phải trả cho ông Á và bà H số tiền gốc còn lại là $1.800.000.000đ - 858.600.000đ = 941.400.000đ$ và số tiền lãi 10%/năm tương ứng với số tiền gốc còn lại tại thời điểm trả gốc đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí DSST: Buộc ông S và bà C phải chịu án phí theo quy định.

Hoàn trả ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 42.250.366 đồng đã nộp tạm ứng.

Về án phí DSPT: Ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả ông S số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Do kháng cáo của bà C không

được chấp nhận nên bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận bà C đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị Kim C trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

2. *Về nội dung*: Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị Kim C, Hội đồng xét xử thấy:

2.1. Về hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 lần vay, cụ thể:

+ Tại Giấy biên nhận đề ngày 22/8/2022 do ông Nguyễn Văn S viết và ký có nội dung ông Nguyễn Văn S và vợ Hoàng Thị Kim C vay ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000.000 đồng.

+ Tại Giấy vay tiền ngày 19/12/2024 do ông Nguyễn Văn S viết, có chữ ký của ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C có nội dung ông Nguyễn Văn S và vợ Hoàng Thị Kim C vay ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000 đồng.

Khi vay các bên không thế chấp tài sản và không thỏa thuận thời gian trả nợ, không thỏa thuận về lãi suất.

2.2. *Về việc trả tiền gốc, lãi xuất và việc trả lãi*:

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày ý kiến và cung cấp bản sao kê chi tiết giao dịch từ tài khoản ngân hàng của ông S mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C1 (V) và Ngân hàng N (A1) tới tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị H mở tại Ngân hàng N1; nội dung thể hiện rất nhiều lần ông S chuyển tiền cho bà H. Tuy nhiên, ông S chỉ kê khai 20 mã chuyển tiền với tổng số tiền 913.600.000 đồng (ông S khai 913.600.000 đồng, cộng thực tế là 913.100.000 đồng) và trình bày đây là số tiền gốc và lãi ông S đã trả vợ chồng ông Á, bà H của khoản nợ 1.800.000.000 đồng đang tranh chấp. Phía nguyên đơn ông Á xác định về nội dung ông S gửi tài liệu sao kê ngân hàng các mã chuyển khoản trả nợ ông số tiền tổng cộng 913.600.000 đồng, trong đó có 6 mã chuyển khoản ông không đồng ý, cụ thể:

Mã chuyển khoản ngày 08/4/2024: 18.000.000 đồng. Mã chuyển khoản ngày 20/5/2024: 20.000.000 đồng. Mã chuyển khoản ngày 21/9/2024: 16.500.000 đồng. Mã chuyển khoản ngày 01/10/2024: 6.000.000 đồng. Mã chuyển khoản ngày 29/10/2024: 200.000.000 đồng. Mã chuyển khoản ngày 11/12/2024: 2.500.000 đồng.

Tổng cộng 263.000.000đồng là ông S chuyển trả cho khoản vay 1.000.000.000 đồng vay ngày 26/3/2024, còn lại các mã chuyển khoản khác thì ông Á thừa nhận là ông S chuyển trả cho ông Á, bà H cho khoản vay 1.800.000.000 đồng.

Toà án cấp sơ thẩm nhận định: Đối chiếu các tài liệu ông S cung cấp khi chuyển khoản đều không ghi rõ nội dung cụ thể của từng khoản trả, số tiền trả gốc, số tiền trả lãi cụ thể như thế nào. Ông Á cung cấp cho Toà án khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 26/3/2024 và chứng minh 06 mã chuyển khoản đang có tranh chấp phát sinh sau ngày 26/3/2024 là ông S trả nợ cho khoản vay 1.000.000.000 đồng. Đây là tranh chấp của khoản vay khác không liên quan đến yêu cầu khởi kiện toà án đang giải quyết, khi phát sinh tranh chấp các bên yêu cầu toà án giải quyết trong một vụ án khác. Sau khi đối trừ số tiền các bên thừa nhận, ông S đã chuyển trả cho ông Á số tiền đối với khoản vay đang yêu cầu toà án giải quyết là 913.600.000 đồng - 263.000.000 đồng = 650.000.000 đồng.

Xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm nhận định và xác định số tiền ông S đã chuyển trả ông Á, bà H 650.000.000 đồng là không đúng, bởi lẽ:

Trong 20 mã chuyển khoản ông S kê khai, trình bày đã chuyển trả cho ông Á bà H số tiền 913.600.000 đồng thì không có 03 mã chuyển khoản, gồm: (1) ngày 01/10/2024 = 6.000.000 đồng; (2) ngày 29/10/2024 = 200.000.000 đồng; (3) ngày 11/12/2024 = 2.500.000 đồng (tổng cộng là 208.500.000 đồng). Đây là 03 trong 06 mã chuyển khoản ông Á liệt kê không đồng ý. Như vậy, chỉ còn lại 03 mã chuyển khoản, gồm: ngày 08/4/2024 = 18.000.000 đồng; ngày 20/5/2024 = 20.000.000 đồng; ngày 21/9/2024 = 16.500.000 đồng (tổng cộng là 54.500.000 đồng) là số tiền ông Á không thừa nhận ông S chuyển trả cho khoản vay đang tranh chấp có trong danh sách 20 mã chuyển khoản ông S kê khai. Do đó, về số liệu các mã chuyển khoản, số tiền và lời trình bày của nguyên đơn là không thống nhất.

Vì vậy, số tiền ông S đã chuyển trả cho ông Á được các đương sự thừa nhận phải là 17/20 mã với số tiền là: 913.100.000 đồng – 54.500.000 đồng = 858.600.000 đồng. Bản án xác định số tiền ông S đã chuyển trả cho ông Á 650.600.000 đồng là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S số tiền 208.000.000 đồng. Do vậy có căn cứ xác định ông S đã trả ông Á số tiền 858.600.000 đồng, nên số tiền gốc ông S, bà C còn nợ nguyên đơn là 1.500.000.000đ - 858.600.000 đồng = 641.400.000đ.

Ngoài ra, bị đơn ông Nguyễn Văn S cung cấp bản sao kê chi tiết giao dịch từ tài khoản ngân hàng của ông S mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C1 (V) tới tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị H mở tại Ngân hàng N1 thể hiện rất nhiều lần ông S chuyển tiền cho bà H. Trong đó, có nhiều mã chuyển khoản phát sinh sau ngày 22/8/2022 (ngày ông S viết giấy vay số tiền 1.500.000.000 đồng), cụ thể: Ngày 19/9/2022, ngày 20/10/2022, ngày 19/11/2022, ngày 20/12/2022 mỗi lần đều chuyển 58.500.000 đồng. Tuy nhiên, những mã chuyển tiền này ông S cũng không kê khai là chuyển khoản trả nợ cho bà H khoản vay ngày 22/8/2022. Điều

này thể hiện không phải cứ những mã chuyển tiền phát sinh sau ngày vay tiền là trả nợ cho khoản vay.

Mặt khác, nguyên đơn ông Á chỉ cung cấp tài liệu là sao kê và chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông S vay vào ngày 26/3/2024, ông Á chưa khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết về số tiền này. Do đó, Tòa án sơ thẩm nhận định 06 mã chuyển tiền (tổng cộng là 263.000.000 đồng) phát sinh sau ngày 26/3/2024 là ông S trả nợ cho khoản vay 1.000.000.000 đồng; việc đánh giá chứng cứ như vậy là không khách quan, chưa toàn diện, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đối với số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn: Tòa án sơ thẩm buộc ông S, bà C phải trả tiền lãi trên số tiền vay 1.500.000.000đ và trên khoản tiền 300.000.000đ kể từ ngày vay đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là không có căn cứ, bởi lẽ: Theo phân tích trên thì từ sau khi vay khoản tiền 1.500.000.000đ thì từ ngày 18/01/2023 đến 19/12/2024 bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn 17 lần; khoản vay 300.000.000đ đã trả 1 lần 50.000.000đ vào ngày 21/7/2025 nên cần tính lãi trên số tiền gốc còn lại chưa trả mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bị đơn.

- Số tiền gốc đã trả vào số tiền 1.500.000.000đ, (*trả tổng số tiền gốc 808.600.000đ*): Tiền lãi tính từ ngày 22/8/2022 đến ngày 18/01/2023 ông S, bà C phải trả là: **61.095.890 đồng**.

+ Ngày 18/01/2023: Trả 158.000.000đ còn 1.342.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 19/02/2023 là: **11.551.004 đồng**.

+ Ngày 19/02/2023: trả 54.600.000đ còn 1.287.400.000đ và tiền lãi đến ngày 20/3/2023 là: **11.081.045 đồng**.

+ Ngày 20/3/2023: trả 54.600.000đ còn 1.232.800.000đ và tiền lãi đến ngày 26/4/2023 là: **12.299.854 đồng**.

+ Ngày 26/4/2023: trả 54.600.000đ còn 1.178.200.000đ và tiền lãi đến ngày 22/5/2023 là: **8.392.658 đồng**.

+ Ngày 22/5/2023: trả 54.600.000đ còn 1.123.600.000đ và tiền lãi đến ngày 23/6/2023 là: **9671.169 đồng**.

+ Ngày 23/6/2023: trả 54.600.000đ còn 1.069.000.000đ và tiền lãi đến ngày 23/7/2023 là: **8.908.333 đồng**.

+ Ngày 23/7/2023: trả 54.600.000đ còn 1.014.400.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2023 là: **8.337.534 đồng**.

+ Ngày 22/8/2023: trả 54.600.000đ còn 959.800.000đ và tiền lãi tính đến ngày 02/10/2023 là: **10.890.881 đồng**.

+ Ngày 02/10/2023: trả 20.000.000đ còn 939.800.000đ và tiền lãi tính đến ngày 10/10/2023 là: **2.317.315 đồng**.

+ Ngày 10/10/2023: trả 34.600.000đ còn 905.200.000đ và tiền lãi tính đến ngày 05/11/2023 là: **6.448.000 đồng**.

+ Ngày 05/11/2023: trả 54.600.000đ còn 850.600.000đ và tiền lãi tính đến ngày 24/11/2023 là: **4.427.781 đồng**.

+ Ngày 24/11/2023: trả 54.600.000đ còn 796.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 10/01/2024 là: **10.340.730 đồng**.

+ Ngày 10/01/2024: trả 30.000.000đ còn 766.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 09/02/2024 là: **6.295.890 đồng**.

+ Ngày 09/02/2024: trả 24.600.000đ còn 741.400.000đ và tiền lãi tính đến ngày 08/9/2024 là: **43.163.699 đồng**.

+ Ngày 08/9/2024: trả 30.000.000đ còn 711.400.000đ và tiền lãi tính đến ngày 19/12/2024 là: **19.928.945 đồng**.

+ Ngày 19/12/2024: trả 20.000.000đ còn 691.400.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22/9/2025 là: **52.423.274 đồng**

Tổng tiền lãi của khoản vay này là 284.156.687 đồng.

- Số tiền gốc đã trả vào số tiền 300.000.000đ vào ngày 21/7/2025 là 50.000.000đ. Số tiền lãi tính từ ngày vay ngày 19/12/2024 đến 21/7/2025 là **17.664.384 đồng** và số tiền lãi tính từ ngày 21/7/2025 đến ngày 22/9/2025 là **4.235.160 đồng**. Tổng tiền lãi của khoản vay này là **21.899.544 đồng**.

Bà C kháng cáo chỉ chấp nhận đồng ý với khoản vay cùng với ông S số tiền 300.000.000đ, không đồng ý đối với khoản vay 1.634.646.575 đồng tiền nợ gốc và lãi phát sinh, với lý do vợ chồng bà làm ăn là vống riêng, khoản vay này bà không biết nên bà không đồng ý có nghĩa vụ đối với khoản vay này. Ông S và bà C là vợ chồng hợp pháp, trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà không nộp cho Tòa án tài liệu chứng minh vợ chồng có tài sản riêng và đang làm ăn kinh doanh riêng theo quy định tại Điều 43 và Điều 47 Luật hôn nhân gia đình. Do đó cần buộc ông S và bà C có nghĩa vụ liên đới số nợ gốc và lãi đối với số tiền đã vay là có căn cứ.

Xét thấy: Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí: Ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị Kim C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của bà không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 309 Điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Kim C.

Chấp nhận kháng nghị số 1370/QĐ-VKS-DS ngày 21/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DSST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C phải trả cho ông Á và bà H số tiền gốc còn lại là 1.800.000.000đ - 858.600.000đ = 941.400.000đ và số tiền lãi là: 306.056.231 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị Kim C phải liên đới chịu 49.423.687 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị Kim C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002226 ngày 22/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông S số tiền 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 000225 ngày 22/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả ông Phạm Văn Á và bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 42.250.366 đồng (Bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng) ông Á và bà H đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Bắc Ninh theo biên lai thu số 0002381 ngày 16/7/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm - TAND tối cao;
- Viện phúc thẩm - VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh
- TAND, VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết